**CÂU 1: Phân tích điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

1. Địa vị kinh tế của giai cấp công nhân:

Giai cấp công nhân là con đẻ, là sản phẩm của nền đại công nghiệp, là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại. Vì thế, giai cấp công nhân đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến và lực lượng sản xuất hiện đại

Nên sản xuất hiện đại với xu thế xã hội hoá cao đã tạo ra “tiền đề thực tiễn tuyệt đối cần thiết” (C.Mác) cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới. Điều kiện khách quan này là nhân tố kinh tế quy định giai cấp công nhân là lực lượng phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, giành chính quyền về tay mình

1. Địa vị chính trị xã hội của giai cấp công nhân:

Là một giai cấp tiên tiến, giai cấp cách mạng. Là giai cấp có tính tổ chức và kỉ luật, nhất là ý thức chính trị, tự giác và đoàn kết trong cuộc đấu tranh tự giải phóng mình và giải phóng xã hội

Chủ nghĩa quốc tế vô sản đã tạo nên sức mạnh của giai cấp công nhân và phong trào công nhân, thuộc về bản chất của giai cấp công nhân với tư cách là một giai cấp cách mạng, có tình hữu ái giai cấp chân chính và tinh thần cách mạng triệt để

Giai cấp công nhân là giai cấp đại biểu cho tương lai, cho xu thế đi lên của tiến trình phát triển lịch sử, là đặc tính quan trọng, quyết định bản chất cách mạng của giai cấp công nhân

**CÂU 2: Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử**

Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng. Thông qua sự phát triển này có thể thấy sự lớn mạnh của giai cấp công nhân cùng với quy mô phát triển của nền sản xuất vật chất hiện đại trên nền tảng của công nghiệp, của kĩ thuật và công nghệ

Sự phát triển về số lượng phải gắn liền với sự phát triển về chất lượng giai cấp công nhân hiện đại, đảm bảo cho giai cấp công nhân thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình. Chất lượng giai cấp công nhân phải thể hiện ở trình độ trưởng thành về ý thức chính trị của một giai cấp cách mạng, tức là tự giác nhận thức được vai trò và trọng trách của giai cấp mình đối với lịch sử, do đó giai cấp công nhân phải được giác ngộ về lí luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mac Lenin

Là giai cấp đại diện tiêu biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến, chất lượng giai cấp công nhân còn phải thể hiện ở năng lực và trình độ làm chủ khoa học kĩ thuật và công nghệ hiện đại, nhất là trong điều kiện hiện nay

Để phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng, theo chủ nghĩa Mac Lenin phải đặc biệt chú ý đến hai biện pháp cơ bản: Phát triển công nghiệp “tiền đề thực tiễn tuyệt đối cần thiết” và Sự trưởng thành của Đảng Cộng sản, hạt nhân chính trị quan trọng của giai cấp công nhân

Chỉ với sự phát triển về số lượng và chất lượng, đặc biệt là về chất lượng, giai cấp công nhân mới có thể thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình

Đảng Cộng sản đội tiên phong của giai cấp công nhân ra đời và đảm nhận vai trò lãnh đạo cuộc cách mạng là dấu hiệu về sự trưởng thành vượt bậc của giai cấp công nhân đối với tư cách là giai cấp cách mạng

Quy luật chung, phổ biến cho sự ra đời của Đảng Cộng sản là sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội khoa học, tức chủ nghĩa Mac Lenin với phong trào công nhân

Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội và nguồn bổ sung lực lượng quan trọng nhất của Đảng, làm cho Đảng mang bản chất giai cấp công nhân trở thành đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp. Đảng Cộng sản đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, của dân tộc và xã hội. Sức mạnh của Đảng không chỉ thể hiện ở bản chất giai cấp công nhân mà còn ở mối liên hệ mất thiết giữa Đảng với nhân dân, với quần chúng lao động đông đảo trong xã hội, thực hiện cuộc cách mạng do Đảng lãnh đạo để giải phóng giai cấp và giải phóng xã hội

Ngoài hai điều kiện thuộc về nhân tố chủ quan nêu trên, chủ nghĩa Mac Lenin còn chỉ rõ, để cuộc cách mạng thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đi tới thắng lợi, phải có sự liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác do giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo

**CÂU 3: Đặc điểm và những giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam**

1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam:

Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và phát triển gắn liền với chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam

Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trước giai cấp tư sản vào đầu thế kỉ XX, là giai cấp trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp và bè lũ tay sai. Giai cấp công nhân Việt Nam phát triển chậm vì sinh ra và lớn lên ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến

Trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp, giai cấp công nhân đã tự thể hiện mình là lực lượng chính trị tiên phong để lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải quyết mâu thuẫn cơ bản giữa dân tộc Việt Nam và đế quốc thực dân và phong kiến thống trị, mở đường cho sự phát triển của dân tộc trong thời đại cách mạng vô sản. Giai cấp công nhân Việt Nam sớm giác ngộ lí tưởng và sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình, lãnh đạo phong trào cách mạng Việt nam đi đến thắng lợi

Giai cấp công nhân Việt Nam gắn bó mật thiết với các tầng lớp nhân dân. Đại bộ phận công nhân Việt Nam xuất thân từ nông dân và các tầng lớp lao động khác, cùng chung lợi ích, nguyện vọng và khát vọng đấu tranh cho độc lập, tự do họ có mối liên hệ tự nhiên, chặt chẽ với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động, đó là cơ sở thuận lợi để giai cấp công nhân xây dựng khối liên minh Công nông trí thức, nòng cốt của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Giải pháp phát triển giai cấp công nhân:

Nâng cao nhận thức, kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân là một điều kiện tiên quyết bảo đảm thành công của công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

Xây dựng giai cấp công nhân luôn mạnh, gắn kết hữu cơ với xây dựng, phát huy sức mạnh của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng, của tất cả các giai cấp, các tầng lớp xã hội trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, động lực chủ yếu của sự phát triển đất nước, đồng thời tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế với giai cấp công nhân trên toàn thế giới

Thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế xã hội. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập quốc tế. Xử lí đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, chăm lo xây dựng giai cấp công nhân, đảm bảo hài hoà lợi ích giữa công nhân, người sử dụng lao động, Nhà nước và toàn xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của công nhân, quan tâm giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân

Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hoá giai cấp công nhân là một nhiệm vụ chiến lược. Đặc biệt quan tâm xây dựng thế hệ công nhân trẻ, có học vấn, chuyên môn và kĩ năng nghề nghiệp cao, ngang tầm khu vực và quốc tế, có lập trường giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng, trở thành bộ phận nòng cốt của giai cấp công nhân

Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và sự nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi người công nhân, sự tham gia đóng góp tích cực của người sử dụng lao động

**CÂU 4: Thời kì quá độ lên CNXH(khái niệm, phân loại)**

Thòi kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kì cải biến cách mạng sâu sắc, toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm thực hiện sự chuyển biến từ xã hội cũ sang xã hội mới- xã hội chủ nghĩa

Giai cấp công nhân và chính đảng của nó muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ ưu việt, tốt đẹp hơn chủ nghĩa tư bản thì tất yếu phải trải qua thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bởi vì:

* Chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội không thể ra đời tự phát trong lòng chế độ tư bản chủ nghĩa hay các xã hội tiền tư bản chủ nghĩa. Các xã hội trước chỉ chuẩn bị những điều kiện vật chất để giai cấp công nhân thực hiện bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, còn bản thân công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ được thực hiện khi có cơ sở vật chất – kĩ thuật cụng như với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hoá tương ứng
* Sau khi giành được chính quyền, giai cấp công nhân cũng không thể đem áp dụng ngay tức khắc những nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bởi vì, những nguyên tắc xây dựng và bản chất của chủ nghĩa xã hội khác với các xã hội trước, giai cấp thống trị cũ mới bị đánh bại về chính trị nhưng chưa bị tiêu diệt hoàn toàn, những tàn dư của xã hội cũ còn in vết trong xã hội mới. Do đó cần có thời gian để tiến hành cải tạo những tàn dư của xã hội cũ, từng bước xây dựng các nhân tố mới

Thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội có hai kiểu: quá độ trực tiếp và quá độ gián tiếp

Quá độ trực tiếp: từ các nước tư bản chủ nghĩa phát triển lên chủ nghĩa xã hội

Quá độ gián tiếp: từ các nước tiền tư bản chủ nghĩa hay các nước tư bản trung bình lên chủ nghĩa xã hội

**CÂU 5: Đặc điểm thời kì quá độ ở Việt Nam là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa**

Thứ nhất, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là con đường cách mạng tất yếu khách quan, con đường xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

Thứ hai, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa. Điều đó có nghĩa là trong thời kì quá độ còn nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, song sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và thành phần kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa không chiếm vai trò chủ đạo, thời kì quá độ còn nhiều hình thức phân phối, ngoài phân phối theo lao động vẫn là chủ đạo còn phân phối theo mức độ đóng góp và quỹ phúc lợi xã hội, thời kì quá độ vẫn còn quan hệ bóc lột và bị bóc lột, son quan hệ bóc lột tư bản chủ nghĩa không giữ vai trò thống trị

Thứ ba, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đòi hỏi phải tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là những thành tựu về khoa học và công nghệ, thành tựu về quản lí để phát triển xã hội, quản lí phát triển xã hội, đặc biệt là xây dựng nền kinh tế hiện đại, phát triển nhanh lực lượng sản xuất

Thứ tư, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực, là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao và khát vọng lớn của toàn Đảng, toàn dân

**CÂU 6: Đặc trưng của CNXH ở Việt Nam**

Chủ nghĩa xã hội Việt Nam với tám đặc trưng, đó là:

1. Dâu giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh
2. Do nhân dân làm chủ
3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp
4. Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện
6. Các dân tộc trong cộng động Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển
7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo
8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới

**CÂU 7: Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**

Bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa là dựa vào nhà nước xã hội chủ nghĩa, và sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân. Đây là nền dân chủ mà con người là thành viên trong xã hội với tư cách công dân, tư cách của người làm chủ. Quyền làm chủ của nhân dân là tất cả quyền lực đều thuộc về nhân dân, dân là gốc,là chủ, dân làm chủ. Nội dung này được hiểu là:

Dân chủ là mục tiêu của chế độ xã hội chủ nghĩa(dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh)

Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa(do nhân dân làm chủ, quyền lực thuộc về nhân dân)

Dân chủ là động lực để xây dựng chủ nghĩa xã hội(phát huy sức mạnh của nhân dân, của toàn dân tộc)

Dân chủ gắn với pháp luật(phải đi đôi với kỉ luật, kỉ cương)

Dân chủ phải được thực hiện trong đời sống thực tiễn ở tất cả các cấp, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, về lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội

Bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được thực hiện thông qua các hình thức dân chủ gián tiếp và dân chủ trực tiếp

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, một yêu cầu tất yếu là không ngừng củng cố, hoàn thiện những điều kiện đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cuả nhân dân. Thực tiễn xây dựng đất nước cho thấy dân chủ xã hội chủ nghĩa được thể hiện ở việc bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân theo hướng ngày càng mở rộng và hoạt động có hiệu quả. Ý thức làm chủ của nhân dân, trách nhiệm công dân của người dân trong xã hội ngày càng được đề cao trong pháp luật và cuộc sống. Mọi công dân đều có quyền tham gia quản lí xã hội bằng nhiều cách khác nhau, tuỳ theo trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Dân chủ công dân gắn liền với kỉ cương của đất nước, được thể chế hoá bằng luật của nhà nước pháp quyền, trong các nguyên tắc hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Các quy chế dân chủ từ cơ sở cho đến trung ương và trong các tổ chức chính trị xã hội đều thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Đảng ta khẳng định: “Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có sự tham gia ý kiến của nhân dân”.

Bên cạnh đó, việc xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam diễn ra trong điều kiện xuất phát từ một nền kinh tế kém phát triển, lại chịu hậu quả chiến tranh tàn phá nặng nề. Cùng với đó là những tiêu cực trong đời sống xã hội chưa được khắc phục triệt để…làm ảnh hưởng đến bản chất tốt đẹp của chế độ dân chủ nước ta, làm suy giảm động lực phát triển của đất nước. Mặt khác, âm mưu “diễn biến hoà bình”, gây bạo loạn, lật đổ, sử dụng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” của các thế lực thù địch, vấn đề tự diễn biến, tự chuyển hoá nảy sinh và diễn biến hết sức phức tạp đang là trở ngại đối với quá trình thực hiện dân chủ ở nước ta trong giai đoạn hiện nay

Thực tiễn cho thấy, bản chất tốt đẹp và tính ưu việt của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam càng ngày càng thể hiện giá trị lấy dân làm gốc. Kể từ khi khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà cho đến nay, nhân dân thực sự trở thành người làm chủ, tự xây dựng, tổ chức, quản lí xã hội. Đây là chế độ bảo đảm quyền làm chủ trong đời sống của nhân dân từ chính trị, kinh tế, đến văn hoá, xã hội, đồng thời phát huy tính tích cực, sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa

**CÂU 8: Một số đặc điểm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Nhà nước pháp quyền là nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên pháp lí mà hiến pháp là luật cơ bản tối cao. Quyền của công dân là nghĩa vụ của nhà nước. Quyền của nhà nước là nghĩa vụ công dân phải chấp hành. Trong nhà nước pháp quyền, không gian nhà nước ngày càng thu hẹp, không gian người dân ngày càng mở rộng

Quyền lực nhà nước là thống nhất, cớ sự phân công rõ ràng, có cơ chế phối hợp nhịp nhàng, kiểm soát giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam tôn trọng quyền con người, coi con người là chủ thể, là trung tâm của sự phát triển. Quyền dân chủ của nhân dân được thục bình một cách rộng rãi: “nhân dân có quyền bầu và bãi miễn những đại biểu không xứng đáng”: đồng thời tăng cường sự nghiêm minh của pháp luật

Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau, nhưng đảm bảo quyền lực là thống nhất và sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương

**CÂU 9: Nội dung cương lĩnh dân tộc của Lenin**

Dựa trên thực tiễn tình hình các dân tộc trên thế giới, mối quan hệ dân tộc trên thế giới và dựa trên thực tiễn tình hình dân tộc ở nước Nga lúc bấy giờ, Lenin đã nêu ra Cương lĩnh dân tộc bao gồm các nguyên tắc để giải quyết vấn đề dân tộc theo cả góc độ mối quan hệ giữa các dân tộc trong một quốc gia đa dân tộc cũng như theo cả góc độ mối quan hệ dân tộc quốc tế

Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng: đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc trong mối quan hệ giữa các dân tộc. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng có nghĩa là: các dân tộc dù lớn hay nhỏ(kể cả các bộ tộc và chủng tộc) không phân biệt trình độ cao thấp đều có nghĩa vụ và quyền lợi như nhau, không dân tộc nào có đặc quyền lợi và đi áp bức các dân tộc khác

Trong quốc gia có nhiều dân tộc, pháp luật phải bảo vệ quyền bình đẳng giữa các dân tộc, từng bước khắc phục sự chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hoá giữa các dân tộc

Trên phạm vi giữa các quốc gia, dân tộc, đấu tranh cho sự bình đẳng giữa các dân tộc gắn liền với các cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, gắn với cuộc đấu tranh xây dựng một trật tự kinh tế mới, chống sự áp bức, bóc lột của các nước tư bản phát triển với các nước chậm phát triển

Các dân tộc có quyền tự quyết: quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh của dân tộc mình, quyền dân tộc tự quyết bap gồm quyền tự do phân lập thành cộng đồng quốc gia dân tộc độc lập và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng

Liên hiệp giai cấp công nhân giữa tất cả các dân tộc lại: đây là tư tưởng cơ bản và quan trọng trong cương lĩnh dân tộc của Lenin, nó phản ánh bản chất quốc tế của phong trào công nhân, phản ánh sự nghiệp giải phóng dân tộc với sự nghiệp giải phóng giai cấp, nó đảm bảo cho dân tộc có đủ sức mạnh để giành thắng lợi

Đây là cơ sở vững chắc để đoàn kết nhân dân lao động trong các dân tộc để chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Vì vậy, nội dung liên hiệp giai cấp công nhân giữa tất cả các dân tộc đóng vai trò liên kết cả ba nội dung của cương lĩnh thành một chỉnh thể

**CÂU 10: Sự biến đổi của gia đình Việt Nam hiện nay**

Biến đổi về quy mô, kết cấu: quy mô gia đình Việt Nam ngày càng thu nhỏ, đáp ứng nhu cầu và điều kiện của thời đại mới đặt ra

Biến đổi về các chức năng của gia đình: 1. Chức năng tái sản xuất con người: việc sinh đẻ được thực hiện một cách chủ động

1. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng: từ kinh tế tự túc thành kinh tế thị trường, từ kinh tế sản xuất hàng hoá đáp ứng nhu cầu quốc gia thành tổ chức kinh tế hiện đại đáp ứng như cầu quốc tế. Kinh tế gia đình trở thành bộ phận quan trong trong nền kinh tế quốc dân
2. Chức năng giáo dục: đầu tư tài chính cho việc giáo dục con cái tăng lên
3. Chức năng thoả mãn nhu cầu tâm sinh lí, duy trì tình cảm: nhu cầu thoả mãn tâm lí tình cảm đang tăng lên do gia đình có xu hướng chuyển đồi từ chủ yếu là đơn vị kinh tế sang chủ yếu là đơn vị tình cảm

Biến đổi trong các mối quan hệ gia đình:

Quan hệ hôn nhân và quan hệ vợ chồng: không còn mô hình duy nhất là người đàn ông làm chủ gia đình. Ngoài ra có ít nhất hai mô hình cùng tồn tại là người vợ làm chủ gia đình và cả hai vợ chồng cùng làm chủ

Quan hệ giữa các thế hệ, các giá trị, chuẩn mực văn hoá gia đình: trong gia đình hiện đại, việc giáo dục trẻ em gần như phó mặc cho nhà trường, mà thiếu đi sự dạy bảo thường xuyên của ông bà, cha mẹ. Ngược lại, người cao tuổi trong gia đình truyền thống thường sống cùng với con cháu, cho nên nhu cầu về tâm lí, tình cảm được đáp ứng đầy đủ. Còn khi quy mô gia đình bị biến đổi, người cao tuổi phải đối mặt với sự cô đơn thiếu thốn về tình cảm